Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 29.11.2019 10:21:14 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2583 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2320/TTr-STP ngày 31 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, HCC;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

(Tuấn) 20

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp trong thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2583 /QĐ-UBND ngày 29 /11/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm phối hợp, trình tự và thời gian giải quyết thủ tục hành chính giữa Sở Tư pháp, Văn phòng Đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tây Ninh có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;

2. Sở Tư pháp.

3. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Tây Ninh có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và chịu trách nhiệm về tình hình, kết quả giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi phụ trách.

2. Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông; đảm bảo sự khách quan, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và đúng thời hạn trong thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính với cá nhân, tổ chức.

3. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và các quy định pháp luật có liên quan, không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị; đảm bảo có sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, thống nhất trong suốt quá trình giải quyết thủ tục hành chính từ lúc tiếp nhận, giải quyết đến trả kết quả giải quyết.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Sở Tư pháp, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh và các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Tây Ninh liên quan có trách nhiệm giải quyết TTHC theo thời gian đã phân định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Nội dung, quy trình giải quyết cụ thể của từng thủ tục hành chính thực hiện liên thông được thực hiện theo Quyết định hiện hành của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC, quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tư pháp tỉnh Tây Ninh.

Chương II

THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 5. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính

1. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị bao gồm thời gian giải quyết hồ sơ và thời gian luân chuyển hồ sơ. Tổng thời gian thực hiện tại Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị không được vượt quá thời gian giải quyết quy định cho thủ tục hành chính đó. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị đơn giản hóa quy trình, áp dụng các giải pháp để rút ngắn thời gian giải quyết.

2. Thời gian giải quyết của từng thủ tục hành chính và thời gian thực hiện tại từng cơ quan, đơn vị có liên quan được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Quy chế này.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính

1. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, phối hợp giải quyết, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo nguyên tắc, quy trình được quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Ngoài nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm sau:

a) Sở Tư pháp

Là cơ quan chủ trì đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong quy trình một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính; kiểm soát toàn bộ quy trình, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính; chủ động và kịp thời đôn đốc các cơ quan phối hợp thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính để xem xét, quyết định theo thẩm quyền (gửi thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh), đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thời hạn theo quy định. Tờ trình phải thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung đề xuất, cơ sở giải quyết; đối với hồ sơ phải phối hợp lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình xem xét thẩm tra, thẩm định hồ sơ thì Tờ trình phải trình bày đầy đủ, rõ ràng ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp để trễ hạn trong việc giải quyết thủ tục hành chính so với quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chủ động, thường xuyên rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính tại Phụ lục để phù hợp quy định pháp luật.

b) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính do Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính do Sở Tư pháp chuyển đến không đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời chuyển trả cho Sở Tư pháp để bổ sung theo quy định.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính đến Sở Tư pháp theo đúng thời hạn quy định.

Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trễ hạn trong việc phối hợp trình hồ sơ và chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính dẫn đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định, cho ý kiến về thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức bị trễ hạn.

Phối hợp với cơ quan chủ trì trình giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), đảm bảo hồ sơ được trả đúng hạn, không gây phiền hà, khó khăn cho cơ quan, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Tây Ninh có liên quan

Phối hợp với Sở Tư pháp giải quyết các TTHC theo đúng thời gian được phân định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp để trễ hạn trong việc giải quyết thủ tục hành chính dẫn đến việc cơ quan chủ trì trả kết quả giải quyết TTHC bị trễ hạn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính

Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết

thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Điều 8. Khen thưởng, kỷ luật

Kết quả thực hiện Quy chế này là một trong những tiêu chí đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch, UBND tỉnh giao có liên quan đến công tác cải cách hành chính của các cơ quan.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có văn bản kiến nghị gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2583 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Tư pháp	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan/Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
I	**Lĩnh vực hành chính tư pháp**						
01	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	55 ngày làm việc	10.5 ngày làm việc (thời gian tiếp nhận: 0,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết 10 ngày làm việc)	14.5 ngày làm việc	Công an tỉnh: 30 ngày làm việc *(Bộ Tư pháp: 30 ngày làm việc Chủ tịch nước: 30 ngày làm việc: không tính vào thời gian giải quyết tại tỉnh)*	Điều 21 Luật Quốc tịch Việt Nam

02	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	35 ngày làm việc	5.5 ngày làm việc (thời gian tiếp nhận: 0,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết 05 ngày làm việc)	9.5 ngày làm việc	Công an tỉnh: 20 ngày làm việc; Cơ quan báo chí: 30 ngày làm việc (thực hiện song song với thời gian giải quyết của cơ quan công an và Sở Tư pháp) *(Bộ Tư pháp: 20 ngày làm việc* *Chủ tịch nước: 20 ngày làm việc: không tính vào thời gian giải quyết tại tỉnh)*	Điều 29 Luật Quốc tịch Việt Nam
03	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	35 ngày làm việc	5.5 ngày làm việc (thời gian tiếp nhận: 0,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết 10 ngày làm việc)	9.5 ngày làm việc	Công an tỉnh: 20 ngày làm việc *(Bộ Tư pháp: 30 ngày làm việc* *Chủ tịch nước: 20 ngày làm việc: không tính vào thời gian giải quyết tại tỉnh)*	Điều 25 Luật Quốc tịch Việt Nam
04	Thủ tục người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	35 ngày	15.5 ngày (thời gian tiếp nhận; 0,5 ngày, thời gian giải quyết 15 ngày)	20 ngày		Điều 44 Luật Nuôi con nuôi

05	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc (thời gian tiếp nhận và trả kết quả 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết 02 ngày làm việc)	02 ngày làm việc		Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi
06	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	Bồi thường nhà nước	Không quy định				Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP
II	**Lĩnh vực bổ trợ tư pháp**						
01	Phê duyệt Đề án tổ chức đại hội nhiệm kỳ, phương hướng xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư	Luật sư	22	15 ngày	07 làm việc	07 làm việc (thực hiện song song với Sở Tư pháp)	Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.
02	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	Luật sư	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Không quy định thời gian		Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.

03	Giải thể Đoàn luật sư	Luật sư	Không quy định thời gian	Không quy định thời gian	Không quy định thời gian		Điều 23 Nghị định số 123/2013/ NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.
04	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	45 ngày	15 ngày	20 ngày	10 ngày	Điều 16 Luật Giám định tư pháp.
05	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	45 ngày	15 ngày	20 ngày	10 ngày	Điều 17 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.
06	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Không quy định thời gian	20 ngày	Không quy định thời gian	Không quy định thời gian	Khoản 2 Điều 9 Luật Giám định tư pháp.
07	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp					Khoản 4 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.
08	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	17 ngày	10 ngày	07 ngày	/	Điều 19 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.
09	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	20 ngày	10 ngày	08 ngày	02 ngày	Khoản 3 Điều 23 Luật Công chứng.

10	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Công chứng	35 ngày	15 ngày	15 ngày	05ngày	Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.
11	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Công chứng	35 ngày	15 ngày	15 ngày	05 ngày	Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.
12	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Công chứng	35 ngày	15 ngày	15 ngày	05 ngày	Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.
13	Thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	/	Điều 30 của Luật Công chứng.
14	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Công chứng	14 ngày	07 ngày	07 ngày	/	Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật công chứng.
15	Thành lập Hội Công chứng	Công chứng	45 ngày	15 ngày	21 ngày	09 ngày	Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

III	**Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật**						
01	Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Phổ biến, giáo dục pháp luật	5 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc		Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 10/2016/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật
02	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Phổ biến, giáo dục pháp luật	5 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc		Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật